

**CÔNG TY TNHH 1 TV HZ GOLF AND MEDIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH 1 TV HZ GOLF AND MEDIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HZ GOLF AND MEDIA 1TV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HZ GOLF AND MEDIA CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108930681

**3. Ngày thành lập:** 04/10/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 26, ngõ 206 đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0908862288

Fax:

Email: Hzgolfandmedia@gmail.com

Website: Hzgolf.vn

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>Khách sạn<br>Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự | 5510     |
| 2.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                             | 1410     |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                           | 1420     |
| 4.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                       | 1430     |
| 5.  | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                                              | 1511     |
| 6.  | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                             | 1512     |
| 7.  | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                         | 1520     |
| 8.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                      | 1811     |
| 9.  | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                            | 1812     |
| 10. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                  | 1820     |
| 11. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                     | 2023     |
| 12. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                       | 4641     |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                              | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4659 |
| 15. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4771 |
| 16. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                               | 4772 |
| 17. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4773 |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5229 |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)<br>Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh                                                                                                                                                                                                                               | 5610 |
| 20. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ sản xuất chương trình truyền hình)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5911 |
| 21. | Hoạt động hậu kỳ<br>Chi tiết:<br>Hoạt động như biên tập, truyền phim /băng, đầu đề, phụ đề, giới thiệu phim (giới thiệu danh sách các diễn viên, đạo diễn, người quay phim...), thuyết minh, đồ họa máy tính, sản xuất các phim hoạt họa và các hiệu ứng đặc biệt về chuyển động, phát triển và xử lý phim điện ảnh, các hoạt động làm thử phim điện ảnh, hoạt động của các phòng thí nghiệm đặc biệt dành sản xuất phim hoạt họa. | 5912 |
| 22. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ phát hành chương trình truyền hình)                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5913 |
| 23. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310 |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7410 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 25. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                                                                                                               | 7420        |
| 26. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế                                                                                                                                                                      | 7912        |
| 27. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao;                                                    | 7990        |
| 28. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết:<br>Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức.                                        | 8230(Chính) |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                | 8299        |
| 30. | Hoạt động của các cơ sở thể thao<br>Chi tiết:<br>+ Sân golf,<br>- Tổ chức và điều hành các sự kiện thể thao chuyên nghiệp và nghiệp dư trong nhà và ngoài trời của các nhà tổ chức sở hữu các cơ sở đó;<br>- Gồm cả việc quản lý và cung cấp nhân viên cho hoạt động của các cơ sở này. | 9311        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUỠNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 10/09/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 024179000597

Ngày cấp: 01/10/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 26, ngõ 13, tập thể công ty xây dựng Khu Nam, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 26, ngõ 206 đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thời gian đăng từ ngày 04/10/2019 đến ngày 03/11/2019

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUỠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/09/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 024179000597

Ngày cấp: 01/10/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 26, ngõ 13, tập thể công ty xây dựng Khu Nam, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 26, ngõ 206 đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội